

*
Số 558-BC/TU

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 10 năm 2020

**PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG CÁCH MẠNG VÀ SỨC MẠNH
ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC; TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG
CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH; ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
ĐƯA TỈNH TUYÊN QUANG PHÁT TRIỂN KHÁ, TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG
TRONG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

*(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025)*

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII được tổ chức vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ra sức thi đua lập thành tích kỷ niệm các ngày lễ lớn, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Với tinh thần “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển**”, Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015 - 2020, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI; thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

**Phản ứng nhất
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI
(NHIỆM KỲ 2015 - 2020)**

Trong những năm qua, công cuộc đổi mới của đất nước tiếp tục đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng; kinh tế vĩ mô ổn định; sức cạnh tranh, tiềm lực và quy mô nền kinh tế được nâng lên. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được coi trọng, tạo nhiều chuyển biến tích cực. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá và đạt được nhiều kết quả nổi bật. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được giữ vững; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; uy tín, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cách mạng, đoàn kết, thống nhất, khai thác tiềm năng và huy động

nguồn lực; vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực, tập trung vào các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm và đã đạt được kết quả quan trọng, cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra¹. Kinh tế tăng trưởng khá; các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên; quốc phòng, an ninh được giữ vững; công tác xây dựng Đảng được quan tâm; hệ thống chính trị được củng cố, bước đầu sắp xếp tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; hoạt động đối ngoại, thu hút đầu tư được chú trọng.

Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng còn nhiều khó khăn, thách thức như: Nguồn lực đầu tư phát triển chưa đáp ứng nhu cầu; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông còn thiếu và chưa đồng bộ, thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; tác động của môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19,... Những yếu tố trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, nhất là trong năm 2020 - năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

I. KINH TẾ - XÃ HỘI TIẾP TỤC CÓ BUỚC PHÁT TRIỂN KHÁ, NỔI BẬT LÀ THỰC HIỆN CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

Trong nhiệm kỳ vừa qua, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân (*tính theo giá so sánh năm 2010*) đạt 6,45%; dự kiến năm 2020, tổng sản phẩm GRDP (*theo giá hiện hành*) đạt 34.624 tỷ đồng, tăng 1,6 lần so với năm 2015, GRDP bình quân đầu người (*theo giá hiện hành*) đạt 44,57 triệu đồng (*tăng 1,55 lần so với năm 2015*); cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Cơ bản

¹ (1). Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân 5 năm đạt trên 6,45% (Nghị quyết trên 8%).

(2). Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 44,57 triệu đồng (1.921 USD) (Nghị quyết trên 2.400 USD).

(3). Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 14.313 tỷ đồng (Nghị quyết trên 17.600 tỷ đồng).

(4). Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4,3%/năm (Nghị quyết trên 4%/năm).

(5). Trên 37,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (Nghị quyết trên 30%).

(6). Thu hút 1,9 triệu lượt khách du lịch (năm 2019) (Nghị quyết năm 2020 thu hút 1,7 triệu lượt khách du lịch).

(7). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 2.309 tỷ đồng (Nghị quyết trên 2.300 tỷ đồng).

(8). Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên 135 triệu USD (Nghị quyết trên 135 triệu USD).

(9). Duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (Nghị quyết 100%); tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 60% (Nghị quyết trên 60%), trong đó qua đào tạo nghề trên 37% (Nghị quyết trên 37%); tạo việc làm cho trên 114.000 lao động (Nghị quyết 100.000 lao động).

(10). 90% hộ gia đình (Nghị quyết 90%), 80% thôn, bản, tổ nhân dân (Nghị quyết 80%), 93% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Nghị quyết 90%) đạt chuẩn văn hoá.

(11). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp hơn 13% (Nghị quyết thấp hơn 13%); trên 80,4% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã (Nghị quyết trên 70%); có 8,3 bác sĩ và 34,2 giường bệnh/10.000 dân (Nghị quyết trên 8 bác sĩ và 25 giường bệnh/10.000 dân).

(12). Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 3%/năm (Nghị quyết 3%/năm).

(13). Tỷ lệ che phủ rừng trên 65% (Nghị quyết trên 60%).

(14). 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch (Nghị quyết 98%), 95% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (Nghị quyết 95%); 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế (Nghị quyết 100%), 95% chất thải rắn thông thường được xử lý (Nghị quyết 90%).

(15). Hàng năm, 93% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Nghị quyết 90%); 89,7% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Nghị quyết 85%).

đạt mục tiêu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

1. Sản xuất công nghiệp tiếp tục có bước phát triển, tập trung vào một số ngành có tiềm năng, lợi thế

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá; sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá như: thép, gỗ tinh chế, điện thương phẩm, bột giấy, xi măng, dệt may... Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và thu hút dự án đầu tư². Cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 37 dự án, trong đó 15 dự án hoàn thành đi vào sản xuất, tạo việc làm, đóng góp vào ngân sách và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Công nghiệp chế biến nông, lâm sản có sự phát triển, nhất là công nghiệp chế biến gỗ; liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ với phát triển vùng nguyên liệu theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững.

Tiếp tục tập trung chế biến sâu các loại khoáng sản tiềm năng như ăngtimon, mangan, sắt... đồng bộ với bảo vệ môi trường; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

2. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân trên 4,3%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn. Bước đầu khai thác và phát huy hiệu quả một số tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển sản xuất hàng hóa tập trung³ hướng tới sản xuất an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm và gắn với nhu cầu thị trường⁴, nhất là một số sản phẩm chủ lực như: chè, cam, cây ăn quả, cây lâm nghiệp,... giá trị sản xuất bình quân đạt 96 triệu đồng/ha đất trồng trọt, tăng 1,4 lần so với năm 2015. Mở rộng phát triển chăn nuôi theo hình thức gia trại, trang trại. Thủy sản tiếp tục phát triển, nhất là hình thức nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện; bước đầu nhân giống và nuôi thành công một số loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao.

Kinh tế lâm nghiệp phát triển khá nhanh và vững chắc; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng trong 5 năm đạt trên 4 triệu m³, đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

² Các dự án đầu tư sản xuất da, giày, may mặc, bao bì, linh kiện điện tử... tập trung tại khu công nghiệp Long Bình An (thành phố Tuyên Quang), cụm công nghiệp Thắng Quân (Yên Sơn), cụm công nghiệp Phúc Ứng, khu công nghiệp Sơn Nam (Sơn Dương).

Thành lập 5 cụm công nghiệp: Phúc Ứng, Thắng Quân, Tân Thành, An Thịnh, Khuôn Phươn với tổng diện tích quy hoạch 300,3 ha (trong đó diện tích đất công nghiệp là 167 ha; tỷ lệ lấp đầy bình quân 50,3%). Có 17 dự án đã đầu tư vào các cụm công nghiệp với tổng số vốn đăng ký 2.017 tỷ đồng. Đang trình xin bổ sung quy hoạch 2 cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế và cụm công nghiệp Tam Đa thuộc huyện Sơn Dương.

³ Vùng cam 8.000 ha, bưởi trên 4.000 ha, mía 3.000 ha, lạc trên 4.000 ha; chè 8.000 ha; trên 140.000 ha rừng trồng sản xuất gỗ nguyên liệu.

⁴ Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp tốt và tương đương là 1.693 ha, gấp 3,7 lần diện tích năm 2015, trong đó: Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 906,2 ha; chuyển đổi hữu cơ 57 ha và sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững (SAN) 730 ha.

gỗ, giấy của tỉnh, là một trong những tỉnh có tỷ lệ che phủ rừng, diện tích rừng trồng và sản lượng khai thác đứng đầu cả nước; tỷ lệ che phủ của rừng trên 65%, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế FSC trên 27.700 ha.

Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư xây dựng theo phương châm “nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ”; thực hiện kiên cố hóa 1.004 km kênh mương; xây dựng 934 nhà văn hóa xã, thôn, tổ dân phố; bê tông hóa 633 km đường giao thông nội đồng. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được nhân dân đồng thuận ủng hộ⁵ với nỗ lực cao và nhiều cách làm sáng tạo, đạt kết quả tích cực; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, thu nhập bình quân người dân nông thôn (*theo giá hiện hành*) đạt 2,67 triệu đồng/người/tháng (tăng 1,55 lần so với năm 2015); dự kiến hết năm 2020, toàn tỉnh có 47 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra, số tiêu chí bình quân đạt trên 15 tiêu chí/xã.

3. Du lịch có chuyển biến tích cực, kết cấu hạ tầng các khu, điểm du lịch được quan tâm đầu tư

Xây dựng và thực hiện đồng bộ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung Quy hoạch tổng thể Khu du lịch Quốc gia Tân Trào, Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, Khu du lịch sinh thái Na Hang. Các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa được chú trọng; Lễ hội Thành Tuyên được tổ chức hàng năm với quy mô lớn đã trở thành sản phẩm du lịch riêng có của Tuyên Quang. Hình thành và phát triển một số loại hình du lịch như: Du lịch lễ hội; du lịch lịch sử, văn hóa; du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh... Công tác xúc tiến, quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người Tuyên Quang đạt hiệu quả tích cực, thu hút được một số doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào du lịch, dịch vụ tại tỉnh (Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Sungroup, Tập đoàn Mường Thanh,...). Liên kết, hợp tác liên vùng, liên tỉnh và quốc tế để khai thác, phát triển du lịch; số lượt khách và doanh thu xã hội về du lịch có bước tăng trưởng khá, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra⁶.

Hệ thống cơ sở hạ tầng các khu, điểm du lịch được cải thiện, nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch có quy mô được đầu tư xây dựng⁷. Hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch được quan tâm; nguồn nhân lực ngành du lịch được đào tạo, bồi dưỡng, nhất là hỗ trợ đào tạo kiến thức cho người dân tham gia phát triển loại hình du lịch cộng đồng.

⁵ Tổng kinh phí huy động, lồng ghép các nguồn vốn, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân ủng hộ trên 9.500 tỷ đồng (*trong đó kinh phí do các doanh nghiệp và nhân dân đóng góp bằng tiền, hiến đất, ngày công lao động... đạt gần 1.000 tỷ đồng, chiếm trên 10% tổng kinh phí*).

⁶ Từ năm 2016 - 2019: thu hút trên 6,7 triệu lượt khách (năm 2019 đạt trên 1,94 triệu lượt khách), tăng trưởng bình quân là 9,6%; tổng thu xã hội về du lịch đạt 5.925 tỷ đồng (năm 2019 đạt 1.750 tỷ đồng), tăng trưởng bình quân là 12%.

⁷ Khách sạn Royal palace; Khách sạn Mường Thanh; Trung tâm thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí và nhà phố Vincom Shop house; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và tắm khoáng Mỹ Lâm; Điểm du lịch sinh thái Bản Ba; các điểm du lịch cộng đồng huyện Lâm Bình, Na Hang...; toàn tỉnh có 15 công ty du lịch lữ hành đang hoạt động.

4. Thu hút đầu tư có nhiều khởi sắc; doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân có bước phát triển; hoạt động đối ngoại, hợp tác đầu tư được tăng cường

Môi trường đầu tư của tỉnh có chuyển biến tích cực. Thứ bậc xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số cải cách hành chính tăng khá nhanh, năm 2019, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 32 (tăng 16 bậc so với năm 2015), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp thứ 16 (tăng 33 bậc so với năm 2015), chỉ số hiệu quả hành chính công (PAPI) xếp thứ 36, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 26 trong 63 tỉnh, thành phố. Thu hút được một số doanh nghiệp có năng lực đầu tư vào tỉnh (Công ty cổ phần Woodslands, Tập đoàn dệt may Việt Nam, Tập đoàn DABACO,...).

Ban hành và thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp. Hoàn thành sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp; thực hiện thoái vốn nhà nước tại các công ty cổ phần theo lộ trình⁸. Kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được duy trì⁹, kinh tế tập thể có chuyển biến.

Tích cực, chủ động triển khai các hoạt động hợp tác, giao lưu hữu nghị và thiết lập quan hệ, kết nối với các địa phương trong và ngoài nước, các tổ chức nước ngoài...

5. Huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm (2016 - 2020) ước đạt trên 41.700 tỷ đồng. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông. Hoàn thành đầu tư xây dựng cầu Bình Ca, cầu Tình Húc và một số công trình, dự án quan trọng. Dự án đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư và đang tích cực triển khai thực hiện. Các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo thông suốt; giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư, nhất là giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa. Mở rộng nhiều tuyến vận tải hành khách cố định, vận tải hành khách công cộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

Tập trung nguồn lực xây dựng, phát triển thành phố Tuyên Quang cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II. Hệ thống đô thị từng bước được đầu tư, xây dựng; quy hoạch các cụm dân cư tập trung gắn với phát triển các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa.

⁸Cổ phần hóa 02 doanh nghiệp; chuyển đổi 04 công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, 01 công ty TNHH lâm nghiệp một thành viên thành công ty cổ phần. Thoái vốn nhà nước 3 doanh nghiệp; chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước quản lý 02 doanh nghiệp.

⁹ Đến ngày 31/7/2020, có tổng số 1.823 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký trên 18.660 tỷ đồng; 298 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn trên 42.700 tỷ đồng, trong đó có 12 nhà đầu tư nước ngoài đầu tư 14 dự án với tổng số vốn đăng ký 199,2 triệu USD (tương đương 4.268 tỷ đồng).

Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đô thị và nông thôn. Năm 2020, 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin có bước phát triển nhanh; 100% xã, phường, thị trấn có kết nối internet, có điểm cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Lồng ghép, huy động nhiều nguồn lực để thực hiện dự án cấp điện cho các thôn vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98,8%, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

6. Hệ thống thương mại, dịch vụ được mở rộng, lưu thông hàng hóa thuận lợi, cung cầu hàng hóa đảm bảo

Hệ tầng thương mại, dịch vụ, nhất là hệ thống các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại được đầu tư xây dựng, bước đầu phát huy hiệu quả. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 36.180 tỷ đồng, tăng 160% so với năm 2015; giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 135 triệu USD, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Các dịch vụ vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, khách sạn, nhà hàng được mở rộng. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm được chú trọng, một số sản phẩm chủ lực của tỉnh bước đầu đã có thị trường tiêu thụ ổn định.

7. Thực hiện tốt nhiệm vụ tài chính, tín dụng

Thực hiện đúng các quy định về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công... Công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách được tăng cường, hàng năm hoàn thành dự toán thu ngân sách được giao; năm 2020 dự kiến đạt 2.309 tỷ đồng, tăng 61,1% so với năm 2015, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Triển khai kịp thời các giải pháp về miễn, giảm, giãn, hoãn và gia hạn nộp thuế và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân kinh doanh tập trung nguồn vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tổng chi ngân sách địa phương 5 năm ước đạt 37.881,6 tỷ đồng, tỷ lệ bình quân tăng 8,8%/năm. Cơ cấu chi ngân sách địa phương có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, ưu tiên các chương trình trọng tâm, các dự án quan trọng của tỉnh và đảm bảo an sinh xã hội¹⁰. Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu mang lại hiệu quả tích cực¹¹.

Hoạt động tín dụng tăng trưởng khá; hệ thống các tổ chức tín dụng, các dịch vụ ngân hàng ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng lên; ưu tiên vốn vay cho các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, các chính sách của tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp,

¹⁰ Năm 2020, tỷ lệ chi đầu tư đạt 31% trong tổng chi ngân sách địa phương, tăng 4,4% so với năm 2015.

¹¹ Tổng số 527 đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện, thành phố và 67 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (trong đó 57 đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2018 - 2020).

nông thôn, trồng rừng, du lịch, dịch vụ; nguồn vốn chính sách xã hội được giải ngân đảm bảo đúng đối tượng. Tổng vốn tín dụng huy động đầu tư đạt trên 28.300 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 16,3%; dư nợ tín dụng đạt trên 20.900 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 13,1%.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả

Các nguồn tài nguyên, khoáng sản cơ bản được quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội¹².

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; tập trung xử lý những vướng mắc, tồn đọng trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân¹³. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; thực hiện tốt bảo tồn đa dạng sinh học; nhiều giá trị địa chất được phát hiện và lập hồ sơ bảo tồn theo quy định.

Chủ động trong công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; bước đầu triển khai hệ thống kiểm soát môi trường tự động¹⁴; công tác tuyên truyền được tăng cường, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của nhân dân về giảm thiểu rác thải; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường¹⁵.

9. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ đạt kết quả tốt

Chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn các cấp học được nâng lên¹⁶. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 36,3%. Quy mô, mạng lưới trường, lớp học được sắp xếp lại một cách hợp lý¹⁷; việc xây dựng trường chuẩn quốc gia và hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú được quan tâm¹⁸. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành

¹² Thu ngân sách từ tài nguyên và môi trường tăng dần qua các năm (bình quân hàng năm chiếm khoảng 29% tổng thu ngân sách của tỉnh).

¹³ Lũy kế đến 15/7/2020, đã cấp 534.004 giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích 261.057,4 ha (đạt 93,8% diện tích cần cấp); trong đó đã cấp 6.076 giấy chứng nhận cho các tổ chức với diện tích 88.920,3 ha (đạt 99,8%); cấp 527.928 giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân với diện tích 172.137,1 ha (đạt 90,9%).

¹⁴ Hệ thống kiểm soát nước thải, khí thải tự động tại Nhà máy giấy An Hòa, Nhà máy thép Tuyên Quang, Công ty cổ phần xi măng Tân Quang...

¹⁵ Tổ chức thanh tra 13 cuộc (trong đó phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường 03 cuộc); kiểm tra 131 cuộc về đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm hành chính đối với 52 trường hợp với tổng số tiền trên 4,0 tỷ đồng.

¹⁶ Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục hằng năm:

- Cấp Tiểu học: trên 98% học sinh hoàn thành tốt và hoàn thành chương trình; trên 99% học sinh đạt và tốt về năng lực và phẩm chất.
- Cấp THCS và THPT: trên 45% học lực khá và giỏi; trên 93% đạo đức tốt và khá.

Kết quả thi THPT Quốc gia hằng năm đều đạt trên 90% (năm 2015: 93,62%, năm 2016: 98,83%, năm 2017: 97,96%, năm 2018: 97,4%, năm 2019: 90,5%); năm 2020, kết quả thi THPT đạt 98,11%.

Kết quả thi học sinh giỏi cấp quốc gia: năm 2016 đạt 20 giải, năm 2017 đạt 26 giải, năm 2018 đạt 28 giải, năm 2019 đạt 34 giải, năm 2020 đạt 19 giải.

¹⁷ Giảm 301 điểm trường, trong đó: Mầm non giảm 192 điểm trường; tiểu học giảm 108 điểm trường; THCS giảm 01 điểm trường; giải thể trường Trung cấp Y tế, trường Trung học Kinh tế kỹ thuật.

¹⁸ Có 210/474 trường chuẩn quốc gia các cấp học, trong đó: Mầm non 52/149 trường; Tiểu học 71/139 trường; THCS 80/155 trường; THPT 7/31 trường. Có 07 trường phổ thông dân tộc nội trú; 20 trường phổ thông dân tộc bán trú.

giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên. Đã ban hành và thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và chính sách hỗ trợ cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm, chủ trương xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh. Ban hành và thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập¹⁹.

Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng ngành, nghề, liên kết đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và phát triển nhân lực chất lượng cao. Trường Đại học Tân Trào đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Trường Cao đẳng nghề - kỹ thuật công nghệ Tuyên Quang trong lộ trình trở thành trường trọng điểm trong đào tạo công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao.

Ứng dụng khoa học, công nghệ được quan tâm, nhất là trong sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng và trong quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học được nâng lên. Đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội. Bước đầu thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân.

10. Chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu trên lĩnh vực văn hóa vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Môi trường văn hóa được cải thiện, các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư²⁰, nhân dân có điều kiện thuận lợi để sáng tạo, hưởng thụ văn hóa.

Hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được nâng lên. Việc xây dựng văn hóa công sở, văn hóa doanh nhân, doanh nghiệp, xây dựng chuẩn mực đạo đức và văn hóa kinh doanh, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có chuyển biến. Các phong trào thi đua yêu nước thu hút sự tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; nhiều tấm gương lao động giỏi, điển hình tiên tiến có sức lan tỏa trong đời sống xã hội.

Công tác quy hoạch, tu bổ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hóa được quan tâm²¹. Hoạt động văn học, nghệ thuật có sự đổi mới, số lượng tác giả, tác phẩm tiếp tục tăng, nhiều tác phẩm đạt giải cao trong khu vực và toàn quốc. Phong trào văn nghệ quần chúng được duy trì và nâng cao chất lượng²².

¹⁹ Có 4 trường mầm non tư thực và 32 nhóm trẻ độc lập tư thực.

²⁰ Đầu tư xây dựng quảng trường các huyện Na Hang, Hàm Yên, Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang; xây dựng và nâng cấp 51 trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn...

²¹ Cơ bản hoàn thành việc kiểm kê di sản văn hóa, lập hồ sơ khoa học di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh. Toàn tỉnh có 635 di tích, trong đó 189 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 260 di tích xếp hạng cấp tỉnh; 03 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt; 01 bảo vật quốc gia. Có 10 di sản văn hóa được đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Thực hành “Then Tây - Nùng - Thái Việt Nam” được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

²² Có 138 đội văn nghệ quần chúng xã, phường, thị trấn; 2.667 đội văn nghệ quần chúng thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, trường học...; trên 270 câu lạc bộ dân hát dân ca và bảo tồn văn hóa dân tộc.

Tỷ lệ người dân thường xuyên tham gia tập luyện thể thao tăng²³. Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài, cán bộ làm công tác thể dục thể thao được quan tâm.

Hoạt động báo chí, xuất bản, truyền thông, thông tin đối ngoại có bước phát triển mới²⁴. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, mạng lưới và hạ tầng thông tin từng bước được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại²⁵.

11. Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả quan trọng. Chất lượng y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được tăng cường, không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Chương trình mục tiêu y tế - dân số được triển khai đồng bộ, hiệu quả; mức tăng dân số hợp lý, chất lượng dân số có tiến bộ. Chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; hàng năm trên 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin phòng bệnh; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn dưới 13%, thể thấp còi giảm còn 24%. Công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người.

Mạng lưới y tế công lập được sắp xếp lại hợp lý và tinh gọn hơn, các cơ sở y tế ngoài công lập được khuyến khích phát triển²⁶. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; quy mô giường bệnh tăng, đạt 34,2 giường bệnh/10.000 dân. Đội ngũ cán bộ y tế, số bác sĩ có trình độ chuyên môn phát triển cả về số lượng và chất lượng, đạt 8,3 bác sĩ/10.000 dân, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Ứng dụng hiệu quả các kỹ thuật hiện đại và tiên bộ trong chẩn đoán và điều trị. Bảo hiểm y tế toàn dân được đẩy mạnh thực hiện, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 94,5%.

12. Thực hiện có hiệu quả chính sách lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phòng, chống tệ nạn xã hội

Tạo việc làm cho trên 114.000 lao động, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu của xã hội²⁷. Thực hiện tốt Đề án

²³ Có 30% số người tập thể dục thể thao thường xuyên; 25% số gia đình tập thể thao; 4.015 đội thể thao cơ sở; 350 câu lạc bộ thể thao; trên 500 giải thi đấu thể thao cấp cơ sở; 60 giải thi đấu cấp huyện, thành phố và 8 giải thi đấu thể thao cấp tỉnh.

²⁴ 99% dân số được phủ sóng truyền hình, 96% dân số được xem truyền hình, 96% hộ dân xem được Đài truyền hình Việt Nam; 99% dân số được phủ sóng phát thanh, 96% dân số được nghe đài phát thanh, 97% hộ dân được nghe Đài tiếng nói Việt Nam.

²⁵ Mạng thông tin di động đã phủ sóng tới 100% trung tâm các xã; trên 98% số thôn, bản, tổ nhân dân được phủ sóng điện thoại di động. Tổng số 663.900 thuê bao điện thoại, đạt 62,9 thuê bao/100 người dân; 76.800 thuê bao Internet, đạt 9,9 thuê bao/100 người dân.

²⁶ Có 153 cơ sở y tế công lập, gồm 5 bệnh viện tuyến tỉnh, 7 trung tâm y tế tuyến huyện, trong đó có 6 trung tâm y tế đa chức năng (y tế dự phòng và khám, chữa bệnh), 3 bệnh viện đa khoa khu vực, 9 phòng khám đa khoa khu vực, 129 trạm y tế cơ sở; 162 cơ sở y tế ngoài công lập, gồm 1 bệnh viện đa khoa, 12 phòng khám đa khoa, 149 cơ sở hành nghề y, y học cổ truyền và dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Có 111/138 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã (đạt 80,4%).

²⁷ Có 12 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2015 - 2020 đã có 55.839 người được học nghề, trong đó cao đẳng: 704 người, trung cấp: 2.975 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 52.160 người.

“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 45% năm 2015 lên 60% năm 2020, trong đó lao động qua đào tạo nghề tăng từ 27% lên 37%. Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội ngày càng tăng²⁸.

Các giải pháp giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Chủ trọng hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân²⁹. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm trên 3%, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân trên 5%/năm, toàn tỉnh còn 11,8% hộ nghèo.

An sinh xã hội được bảo đảm; phong trào đền ơn đáp nghĩa được chú trọng; thực hiện đúng, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đời sống của gia đình người có công với cách mạng được chăm lo, cải thiện.

Công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội được quan tâm, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội. Xây dựng và thực hiện Đề án tổ chức quản lý, cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

II. CÁC NHIỆM VỤ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH, CẢI CÁCH TƯ PHÁP, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG

1. Quốc phòng được củng cố, tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững

Thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của tỉnh; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững mạnh toàn diện. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh được tăng cường; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác đối ngoại với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, hậu phương quân đội, tham gia giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.... được triển khai thực hiện sâu rộng, đạt hiệu quả thiết thực.

Chủ động dự báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả các âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở, không để xảy ra bị động, bất ngờ; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Một số vụ việc phức tạp về an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn được tập trung chỉ đạo xử lý kiên quyết, kịp thời, hiệu quả. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên các lĩnh vực được tăng cường. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều đổi mới, theo hướng tự quản, tự phòng, tự hòa giải. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông có nhiều chuyển biến tích cực; tai nạn giao thông có xu hướng giảm trên cả 3 tiêu chí³⁰.

²⁸ Số người tham gia Bảo hiểm xã hội đến ngày 30/6/2020 là: 58.389 người (tăng 9.917 người so với năm 2015). Trong đó tham gia BHXH bắt buộc 49.820 người; tham gia BHXH tự nguyện 8.569 người. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp là 42.111 người (tăng 2.214 người so với năm 2015).

²⁹ Giai đoạn 2016 - 2020, huy động được 861.349 triệu đồng để triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

³⁰ Đã xảy ra 478 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 231 người, bị thương 438 người (giảm 57 vụ, giảm 94 người chết, giảm 74 người bị thương so với giai đoạn 2011 - 2015); bình quân hàng năm giảm 3,4% số vụ tai nạn giao thông.

Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có sự chuyển biến tích cực. Thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của công dân; chất lượng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên; nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài qua nhiều năm đã được người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương trực tiếp xem xét, đối thoại và giải quyết dứt điểm theo quy định³¹.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách tư pháp; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tăng cường

Việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Phương thức lãnh đạo của Đảng, công tác giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân đối với các cơ quan tư pháp, hoạt động tư pháp tiếp tục được đổi mới. Tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp được củng cố, kiện toàn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên³². Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, giải pháp phòng, chống tham nhũng; công tác tuyên truyền, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy Nhà nước được chú trọng. Chất lượng, hiệu quả các cuộc thanh tra, kiểm tra gắn với phòng, chống tham nhũng, lãng phí được nâng lên.

III. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ, ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC

1. Xây dựng chính quyền vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 đảm bảo an toàn, tiết kiệm, đúng luật. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có cải tiến, đổi mới, chất lượng được nâng lên; việc tổ chức các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri, hoạt động giám sát, giải trình, chất vấn được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả tích cực.

Üy ban nhân dân các cấp đã đổi mới, chủ động, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an

³¹ Toàn tỉnh tiếp 18.178 lượt công dân, tiếp nhận 14.210 đơn; giải quyết 494/609 vụ việc khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ 97,53%. Người đứng đầu cấp ủy tinh đã tổ chức 10 cuộc tiếp dân với 25 công dân; người đứng đầu cấp ủy cấp huyện đã tổ chức 73 cuộc tiếp dân với 96 công dân; người đứng đầu cấp ủy cấp xã đã tổ chức 1.169 cuộc tiếp dân với 1.245 công dân. Tổ chức đối thoại và ra thông báo chấm dứt đối với 10 vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài.

³² Cơ quan điều tra đã điều tra, làm rõ 1.666/2.016 vụ phạm pháp hình sự (đạt tỷ lệ 82,6%). Viện kiểm sát đã kiểm sát điều tra 3.315 vụ, 4.947 bị can; truy tố 2.532 vụ, 4.724 bị can; kiểm sát xét xử hình sự 2.966 vụ, 5.437 bị cáo. Tòa án đã thụ lý, giải quyết 13.588/14.324 vụ việc các loại (đạt tỷ lệ 95%). Cơ quan thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong 19.192/21.465 vụ việc dân sự, đạt 89,4%.

ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính được chú trọng thực hiện tạo sự chuyển biến rõ nét, môi trường đầu tư kinh doanh không ngừng được cải thiện. Thực hiện nghiêm túc các quy định về sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện tinh giản biên chế.

2. Dân chủ và sức mạnh đoàn kết các dân tộc được phát huy; nội dung, phương thức hoạt động được đổi mới, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được tăng cường

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được đổi mới, phát huy tính chủ động trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh. Củng cố, kiện toàn tổ chức, đa dạng hóa mô hình, phương thức hoạt động, từng bước đáp ứng nguyện vọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; công tác bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng được chú trọng.

Quyền làm chủ của nhân dân trong thực hành dân chủ được phát huy; chất lượng giám sát và phản biện xã hội được nâng lên. Hoạt động tiếp xúc cử tri có nhiều đổi mới, sáng tạo, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, phản ánh với các cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Các hội quần chúng đã phát huy vai trò trong tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của hội viên.

Chú trọng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo không ngừng được nâng lên.

IV. XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cấp bách về xây dựng Đảng, trọng tâm là thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu với quyết tâm chính trị cao, đạt nhiều kết quả tích cực

Với tinh thần kiên quyết, kiên trì, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh một cách bài bản, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường các biện pháp về giáo dục chính trị tư tưởng, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý cán bộ và đảng viên, sàng lọc đảng viên; nghiêm túc trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng,

tập thể lãnh đạo quản lý, cán bộ, đảng viên³³; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, duy trì việc thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; xây dựng và thực hiện kế hoạch sửa chữa, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình; quy định cụ thể về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; hàng năm, người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên thực hiện nghiêm túc việc đăng ký, xây dựng cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm tích cực, chủ động, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Xác định trung, đúng và tổ chức thực hiện có kết quả những việc cấp bách, nổi cộm, nhân dân quan tâm³⁴, góp phần quan trọng giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

2. Chú trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận

Thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, học tập Chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với nội dung, hình thức đa dạng, phong phú, gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động trong Đảng và nhân dân.

Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; xây dựng ý thức sử dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên không gian mạng³⁵.

Việc quán triệt, học tập và vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tế luôn được coi trọng; hình thức tổ chức quán triệt, học tập và đánh giá kết quả học tập được đổi mới³⁶.

Chú trọng đổi mới nội dung, chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và cán bộ, đảng viên³⁷. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, gắn nội dung bài giảng với điều kiện thực tiễn của địa phương. Quan tâm giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền

³³ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã gởi ý kiến điểm đối với 05 tập thể, 02 cá nhân.

³⁴ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án thủy điện, dự án nghĩa trang Thiên Đường, dự án xử lý rác thải xã Nhữ Khê; tăng cường đối thoại trực tiếp với nhân dân, người đứng đầu các cấp ủy và ủy ban nhân dân các cấp đối thoại trực tiếp với công dân.

³⁵ Duy trì fanpage “Người Tuyên Quang” thu hút được 1.579 người theo dõi, có trên 220.000 lượt tương tác.

³⁶ Duy trì học tập, quán triệt các văn kiện của Đảng bằng hình thức trực tuyến đến các huyện ủy, thành ủy. Xây dựng Quy định về đánh giá chất lượng tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai các văn kiện của Đảng gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và việc viết thu hoạch của cán bộ, đảng viên; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập nghị quyết của Đảng đạt trên 93%.

³⁷ Đã đào tạo lý luận chính trị cho 7.076 đảng viên, trong đó: Cao cấp lý luận chính trị 489 đảng viên (có 38,03% cán bộ trẻ, 41,1% cán bộ nữ, 23,56% cán bộ là người dân tộc thiểu số); đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị 2.986 đảng viên (trong đó có 72,2% cán bộ trẻ, 48,93% cán bộ nữ, 43,4% cán bộ là người dân tộc thiểu số).

thống cách mạng, lịch sử địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội được quan tâm. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm, kịp thời đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Các cơ quan thông tin, truyền thông tham gia hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước³⁸.

3. Tích cực, chủ động và có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả trong sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Từ nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc các nội dung Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, với quyết tâm chính trị cao, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tích cực, chủ động, sáng tạo, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) *về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*; mạnh dạn trong thí điểm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới, giảm một số cơ quan, đơn vị và các đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị, các vị trí lãnh đạo, quản lý; sắp xếp giảm đơn vị hành chính cấp xã, giảm thôn, tổ dân phố và các điểm trường; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập³⁹. Nhiều đơn vị bước đầu khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, tiết kiệm nguồn lực, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính; bộ máy tinh gọn gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, hoạt động hiệu quả hơn; thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, giai đoạn 2015 - 2019 tỉnh đã giảm 1.713 biên chế (220 công chức hành chính; 1.402 viên chức trong các đơn vị sự nghiệp; 91 cán bộ, công chức cấp xã).

4. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên

Tích cực triển khai, cụ thể hóa và tập trung lãnh đạo thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các tổ chức Đảng được lập, kiện toàn phù hợp với tổ chức bộ máy và việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị. Cấp ủy các cấp có nhiều đổi mới và nâng cao chất lượng xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác cả nhiệm kỳ, hằng năm, quý và hằng tháng; tập trung lãnh đạo giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, việc mới, việc khó, việc phức tạp ở cơ sở.

³⁸ Các cơ quan thông tin, truyền thông đã mở chuyên trang, chuyên mục về xây dựng Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gương “người tốt, việc tốt”; tham gia Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng mang tên “Giải búa liềm vàng”...

³⁹ Đến nay đã giảm 5.263 người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách Nhà nước ở thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2018 -2020 cho 57 đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2019 có 36 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo 100% chi thường xuyên.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Giải thể các chi bộ xã, phường, thị trấn, đưa đảng viên về sinh hoạt ở các chi bộ khu dân cư; phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, cấp ủy viên thực hiện việc dự sinh hoạt chi bộ khu dân cư thuộc đảng bộ được giao phụ trách, theo dõi và dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư và khu dân cư nơi cư trú; cán bộ, công chức cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy thực hiện việc dự sinh hoạt chi bộ thuộc phạm vi lãnh đạo của cấp ủy. Từ năm 2018 đến nay, tổng số lượt cấp ủy, lãnh đạo, chuyên viên các ban đảng Tỉnh ủy, huyện ủy dự sinh hoạt 37.008 lượt; phân công đảng viên phụ trách hộ gia đình nơi cư trú... góp phần tích cực nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng cán bộ, công chức “xa dân”.

Chú trọng phát triển đảng viên theo hướng xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có trách nhiệm cao trong công việc, gắn bó mật thiết với nhân dân; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ⁴⁰, tăng cường công tác quản lý, sàng lọc đảng viên⁴¹, kiên quyết đưa ra khỏi đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; gắn việc phát huy quyền với trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các cấp trong công tác cán bộ. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, chất lượng đội ngũ cán bộ ngày càng được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao của tỉnh⁴². Chú trọng công tác quy hoạch⁴³, đào tạo, bồi dưỡng⁴⁴, thu hút cán bộ có trình độ cao, bố trí, sử dụng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ⁴⁵ nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số⁴⁶; thực hiện bố trí 01 đồng chí bí thư đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện không phải là người địa phương, 4 bí thư

⁴⁰ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã kết nạp được 6.981 đảng viên (cơ cấu: 33,15% trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, 59,59% là đoàn viên, 49,73 là nữ, 2,86% là công nhân, 38,74% là nông thôn; kết nạp 01 chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng).

⁴¹ Qua rà soát có 706 đảng viên vi phạm tư cách đảng viên.

⁴² Cán bộ có trình độ tiến sỹ tăng 184,1%, Đại học tăng 10,1%; trình độ cao cấp lý luận chính trị tăng 9,3%, trung cấp lý luận chính trị tăng 10%; năm 2019, 100% cán bộ chủ chốt, công chức cấp xã đạt chuẩn.

⁴³ Về quy hoạch cán bộ cấp tinh nhiệm kỳ 2020 - 2025: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh 95 đồng chí; tỷ lệ cán bộ nữ 21,05%, là người dân tộc thiểu số 27,3%, cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) 17,89%. Ban Thường vụ Tỉnh ủy 25 đồng chí; tỷ lệ cán bộ nữ 24%, là người dân tộc thiểu số 44%, cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) 4%.

⁴⁴ Về đào tạo chuyên môn: Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, liên kết đào tạo; kết quả đã đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho 826 người (trong đó: Tiến sỹ và Chuyên khoa cấp II: 17 người; Thạc sỹ và chuyên khoa cấp I: 320 người; Đại học 298 người, cán bộ trẻ chiếm 47,3%, cán bộ nữ chiếm 47,3%, cán bộ là người dân tộc thiểu số chiếm 45,3%).

Từ năm 2016 - 2019: Tuyển dụng được 1.100 công chức, viên chức.

Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: tổng số 7.293 người, trong đó: Quản lý Nhà nước 1.663 người, chuyên môn, nghiệp vụ 5.630 người.

⁴⁵ Trong nhiệm kỳ đã luân chuyển, điều động 153 đồng chí; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 206 đồng chí (trong đó, bổ nhiệm mới 148 lượt người; bổ nhiệm lại 58 lượt người); chỉ định bổ sung 77 lượt người; giới thiệu bầu cử 230 lượt người. Trong đó: cán bộ trẻ 38 lượt người; cán bộ nữ 77 lượt người; cán bộ dân tộc thiểu số 121 lượt người.

⁴⁶ Nhiệm kỳ 2015 - 2020:

- Cấp ủy tinh: Cán bộ nữ 21,43%; cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) 33,673%, cán bộ là người dân tộc thiểu số 40,74%.
- Cấp ủy huyện: Cán bộ nữ 21,15%; cán bộ trẻ (dưới 35 tuổi) 21,15%, cán bộ là người dân tộc thiểu số 38,86%.
- Cấp cơ sở: Cán bộ nữ 35,12%; cán bộ trẻ (dưới 35 tuổi) 39,14 %, cán bộ là người dân tộc thiểu số 45,08%.

cấp huyện, 4 chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, 64/138 bí thư, 25/138 chủ tịch cấp xã không phải là người địa phương. Công tác cán bộ ngày càng chặt chẽ, công khai, minh bạch; công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng; việc đánh giá tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo quản lý, đánh giá cán bộ có nhiều đổi mới, xuyên suốt, đa chiều, được lượng hóa theo tiêu chí, bằng “sản phẩm” cụ thể và ngày càng sát thực hơn. Ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về giao việc đột phá, đổi mới với một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (đã giao việc đột phá, đổi mới năm 2020 và giai đoạn 2020 - 2025 cho 13 đồng chí là giám đốc các sở, ngành và một số Bí thư, Chủ tịch huyện, thành phố) để rèn luyện, đào tạo và đánh giá cán bộ.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được tăng cường

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tiến hành chủ động, thường xuyên, đồng bộ, đúng quy định, có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Nội dung, hình thức và phương pháp kiểm tra, giám sát có nhiều sáng tạo và đổi mới, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, các chương trình kinh tế - xã hội, các mục tiêu quan trọng của tỉnh và các vấn đề nổi cộm, bức xúc, vụ việc phức tạp mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm, các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc thông qua các nguồn thông tin khác để tiến hành kiểm tra, giám sát. Qua kiểm tra, giám sát đã đánh giá đúng ưu điểm, chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm của các tổ chức đảng, đảng viên; kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, góp phần nâng cao ý thức của cán bộ, đảng viên trong rèn luyện, tu dưỡng, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh⁴⁷.

Từng bước khắc phục tình trạng chòng chéo, trùng lắp trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng với công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan hành chính nhà nước, công tác giám sát của các cơ quan dân cử, các đoàn thể chính trị - xã hội.

6. Công tác dân vận tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng

Công tác dân vận tiếp tục có sự đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được chú trọng. Việc thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”, Quy chế dân chủ ở cơ sở, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt được hiệu quả thiết thực⁴⁸.

⁴⁷ Từ đầu nhiệm kỳ đến hết quý II/2020, cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra và giám sát chuyên đề đối với 15.326 lượt tổ chức đảng và 23.408 đảng viên, có 1.494 cấp ủy viên (*tăng 4.785 lượt tổ chức đảng và 14.288 lượt đảng viên, tăng 31 cấp ủy viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); thi hành kỷ luật đối với 10 tổ chức đảng (*giảm 17 tổ chức đảng so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); hình thức kỷ luật: Khiển trách 08 tổ chức (*giảm 17 tổ chức so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); Cảnh cáo 02 tổ chức (*bằng nhiệm kỳ 2010 - 2015*); thi hành kỷ luật đối với 1.132 đảng viên, trong đó có 855 cấp ủy viên (*tăng 404 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); hình thức kỷ luật: Khiển trách 703 đảng viên (*tăng 327 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); Cảnh cáo 230 đảng viên (*tăng 15 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); Cách chức 27 đảng viên (*giảm 12 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*); Khai trừ 172 đảng viên (*tăng 74 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*).

⁴⁸ Số mô hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực của tỉnh đến nay là 12.357 mô hình. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức giám sát: Cấp tỉnh 140 cuộc; cấp huyện 157 cuộc; cấp cơ 4.837 cuộc. Tổ chức góp ý, phản biện: Cấp tỉnh 3 cuộc; cấp huyện 3 cuộc; cấp cơ sở 2 cuộc.

Tập trung thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan Nhà nước, thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân, quan tâm giải quyết kịp thời những bức xúc, những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; ngăn chặn các hành vi lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo⁴⁹. Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận của Đảng. Thực hiện chủ trương Trưởng Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở cấp tỉnh và 7/7 huyện, thành phố; 3/7 huyện, thành phố thí điểm thành lập Cơ quan tham mưu, giúp việc khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

7. Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đổi mới một cách toàn diện phương thức lãnh đạo của Đảng, trọng tâm là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với hệ thống chính trị, đặc biệt là với chính quyền; đổi mới trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định, quy trình cụ thể; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc các cơ quan lãnh đạo của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo bằng hành động nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

Quy chế làm việc của các cấp ủy được xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất, tập trung, dân chủ, phê bình và tự phê bình. Xác định cụ thể thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; quyền, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu trong công tác cán bộ.

Việc ban hành Nghị quyết của cấp ủy, cụ thể hóa để thực hiện chỉ thị, nghị quyết của cấp trên được đổi mới với phương châm bám sát sự lãnh đạo của cấp trên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn, “trúng”, “đúng”, được đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ, có tính khả thi cao, gắn ban hành cơ chế chính sách đi liền với huy động nguồn lực để thực hiện. Sâu sát, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết kịp thời. Xây dựng và ban hành Chương trình công tác toàn khóa, hằng năm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và sự chủ động trong hoạt động của hệ thống chính trị.

Phát huy sự linh hoạt, chủ động trong điều hành của chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Thực hiện nhất quán quan điểm Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Chú trọng cải cách hành chính trong Đảng, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cấp ủy. Tăng cường quản lý, siết chặt kỷ cương, kỷ luật đi đôi với việc đầy mạnh nêu gương, đổi mới tác phong, lề lối làm việc trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ các lực lượng vũ trang.

⁴⁹ Tổ chức đối thoại và ra thông báo chấm dứt đối với 10 vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài. Toàn tỉnh có 2.099 tổ hòa giải với 12.896 hòa giải viên; tiếp nhận và giải quyết 13.744 vụ việc, hòa giải thành 11.573 vụ việc, đạt 84,2%.

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Năm năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự quản lý, điều hành chủ động, linh hoạt của chính quyền các cấp cùng với sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ và sự đồng thuận, nỗ lực phấn đấu của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, có nhiều chỉ tiêu vượt mục tiêu ở mức cao. Kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng khá, bình quân đạt 6,45%/năm; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản. Ba khâu đột phá, bốn nhiệm vụ trọng tâm được cụ thể hóa và triển khai tích cực. Tiềm năng, lợi thế về du lịch, nông nghiệp từng bước được khai thác, phát huy. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện và nâng cao chất lượng, diện mạo đô thị, nông thôn ngày càng đổi mới. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm đều đạt và vượt dự toán được giao. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; giáo dục - đào tạo tiếp tục được củng cố ở tất cả các bậc học và ngành nghề đào tạo; đội ngũ cán bộ, công chức được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng. Bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc được giữ gìn, bảo tồn và phát huy; công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên. An sinh xã hội được bảo đảm; công tác giảm nghèo thu được nhiều kết quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được tăng cường và giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Quan hệ đối ngoại, hợp tác với một số địa phương các nước và tổ chức quốc tế được đẩy mạnh trên nhiều lĩnh vực. Công tác xây dựng Đảng có sự chuyển biến tích cực, toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; chủ trương tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả được triển khai quyết liệt. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ được đổi mới. Năng lực chỉ đạo, điều hành và quản lý của chính quyền các cấp có nhiều tiến bộ, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng tiếp tục được đổi mới về nội dung và phương thức, bảo đảm thiết thực và hiệu quả hơn. Nội bộ cấp uỷ đoàn kết, thống nhất, sự đồng thuận trong Đảng, trong nhân dân ngày càng tăng.

2. Những hạn chế, khuyết điểm

- Lĩnh vực kinh tế

Lãnh đạo phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, quy mô kinh tế còn nhỏ, chưa tạo được sự bứt phá để phát triển nhanh, bền vững, một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra như tốc độ tăng trưởng GRDP, tổng sản phẩm bình quân đầu người, giá trị sản xuất công nghiệp. Thu hút đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu; tiến độ thực hiện một số dự án công nghiệp còn chậm, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chưa đạt mục tiêu đề ra...

Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn gắn với chế biến, tiêu thụ để nâng cao giá trị gia tăng chưa nhiều; ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn ít. Sản phẩm nông nghiệp chưa có chỉ dẫn địa lý và chưa thực sự gắn với nhu cầu thị trường.

Các ngành dịch vụ mới, dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, nghiên cứu khoa học,... chưa thực sự phát triển; thương mại điện tử chưa được quan tâm. Du lịch phát triển chưa tương xứng tiềm năng; khả năng thu hút khách du lịch lưu trú dài ngày thấp; chưa có nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, bản sắc, có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao.

Thu ngân sách hằng năm và cả nhiệm kỳ đều vượt mục tiêu đề ra nhưng quy mô còn nhỏ; cơ cấu thu, chi ngân sách tuy đã có nhiều cải thiện nhưng tỷ trọng thu trên địa bàn đáp ứng nhu cầu chi còn thấp. Phát triển doanh nghiệp chưa đảm bảo số lượng, quy mô doanh nghiệp chủ yếu còn nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp. Việc sắp xếp, cổ phần hóa, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp của tỉnh quản lý còn chậm so với kế hoạch.

Quy hoạch đô thị chưa theo kịp tốc độ phát triển; hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị còn thiếu đồng bộ; một số công trình, dự án chưa đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư chưa cao. Vẫn còn xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển khoáng sản, lâm sản trái phép, sử dụng đất chưa đúng mục đích, ô nhiễm môi trường...; việc phát hiện, xử lý vi phạm có lúc chưa kịp thời.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non còn hạn chế; chất lượng giáo dục đại trà chưa đồng đều; cơ sở vật chất dành cho giáo dục đào tạo còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa có mặt còn hạn chế; hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa chưa cao; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu. Cơ sở vật chất, chất lượng khám, chữa bệnh của một số cơ sở y tế chưa đáp ứng yêu cầu. Một số ngành nghề chất lượng đào tạo chưa cao, số lao động qua đào tạo nghề có trình độ tay nghề cao còn ít; giảm nghèo ở một số nơi chưa bền vững, đời sống của một bộ phận nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; công tác cai nghiện ma túy, quản lý người nghiện ma túy còn hạn chế, bất cập.

- Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Tình hình an ninh, trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật mặc dù đã được kiềm chế nhưng chưa bền vững. Tiến độ, chất lượng giải quyết một số vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế; tỷ lệ thi hành án dân sự về giá trị đạt thấp. Việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra tại một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc, kịp thời. Một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa tập trung thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết

đơn, thư và những vấn đề bức xúc nảy sinh của nhân dân ngay từ đầu và từ cơ sở; khiếu kiện đông người, vượt cấp còn diễn ra. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn hiệu quả chưa cao. Công tác nắm tình hình, đấu tranh, chủ động tự kiểm tra, phát hiện các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn hạn chế.

Các hoạt động đối ngoại gắn với xúc tiến đầu tư, thương mại có việc chưa hiệu quả; quan hệ hợp tác về kinh tế với các đối tác quốc tế chưa tương xứng với tiềm năng; nguồn nhân lực phục vụ cho hội nhập quốc tế thiếu và yếu.

- Lĩnh vực xây dựng chính quyền; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Công tác theo dõi, đôn đốc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau giám sát của Hội đồng nhân dân còn chậm, có việc còn kéo dài; tổ chức thực hiện một số chỉ tiêu chưa lường hết được khó khăn; quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu; xử lý những vấn đề phát sinh ở cơ sở có lúc chưa kịp thời; quản lý địa bàn, quản lý tài nguyên, khoáng sản có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

Công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân ở một số cơ sở hiệu quả chưa cao. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nội dung, có việc chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới; vai trò giám sát, phản biện xã hội có mặt còn hạn chế.

- Lĩnh vực xây dựng Đảng

Công tác nắm tình hình và định hướng dư luận xã hội có lúc, có việc chưa kịp thời; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Đảng ở một số tổ chức cơ sở Đảng chưa sát thực tế; lựa chọn và thực hiện nội dung đột phá trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của một số cấp ủy còn hạn chế. Vẫn còn cấp ủy chậm đổi mới phương thức lãnh đạo, thiếu tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo và quyết liệt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên trình độ, năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thiếu tâm huyết trong phấn đấu và công hiến. Chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ còn hạn chế; phát triển tổ chức đảng và đảng viên ở khu vực ngoài nhà nước gặp nhiều khó khăn. Còn một bộ phận đảng viên có biểu hiện suy thoái, chưa thật sự nêu gương, vi phạm đến mức phải xem xét kỷ luật.

Thực hiện quy chế dân chủ, phong trào thi đua “Dân vận khéo” ở một số đơn vị, cơ sở chưa thực sự được chú trọng. Công tác kiểm tra, giám sát ở một số tổ chức đảng chưa toàn diện; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm còn hạn chế; việc kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy viên tỷ lệ thấp; công tác giám sát, nắm tình hình, phát hiện và kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm còn hạn chế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết đơn, thư có một số vụ việc chưa kiên quyết, còn tồn đọng kéo dài.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, khuyết điểm

- Nguyên nhân chủ quan

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm so với sự chuyển biến nhanh chóng của đời sống xã hội. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên một số lĩnh vực kinh tế - xã hội chưa sâu sát, hiệu quả chưa cao.

Tính chủ động, quyết liệt, sáng tạo trong công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, nhất là những việc khó, việc mới còn chậm, thiếu đồng bộ.

Công tác phân tích, dự báo, xác định một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội chưa sát với nguồn lực và điều kiện thực tế của địa phương. Tính cạnh tranh so với các địa phương trong khu vực còn thấp, môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, hấp dẫn; chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh và hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào tỉnh.

Công tác nắm thông tin, tình hình có lúc, có việc chưa kịp thời; chất lượng nguồn nhân lực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; ý thức trách nhiệm, tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung và vai trò nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn hạn chế.

- Nguyên nhân khách quan

Kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ đặc biệt là hạ tầng giao thông, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, khó khăn trong việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; trình độ sản xuất, kinh doanh của một bộ phận nhân dân còn hạn chế; tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến bất thường, nhất là tác động xấu của đại dịch Covid-19. Tiến độ thực hiện một số dự án còn chậm do điều chỉnh công suất, thay đổi chủ đầu tư và năng lực của một số chủ đầu tư còn hạn chế. Một số sản phẩm công nghiệp đạt thấp do không đủ nguyên liệu sản xuất, khó khăn trong khâu tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

4. Một số kinh nghiệm

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, đảm bảo dân chủ, đồng thuận trong nhân dân là nhân tố quan trọng nhất để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Hai là, Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tiễn; lựa chọn đúng, trúng các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, có cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhằm xây dựng và nâng cao đời sống của nhân dân.

Ba là, Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nắm chắc tình hình, kịp thời tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc này sinh.

Bốn là, Coi trọng yếu tố phát triển bền vững, cùng với phát triển kinh tế phải thường xuyên quan tâm, chăm lo các lĩnh vực văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng, an ninh.

Năm là, Tập trung xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Tăng cường đào tạo cán bộ đi đôi với giao nhiệm vụ đột phá, đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ được giao; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển vẫn là xu thế lớn; hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp và quyết liệt hơn. Trong nước, sau 35 năm đổi mới, thế và lực của đất nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta phát triển chưa bền vững; bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn; những đòi hỏi mới trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tác động của yếu tố môi trường, biến đổi khí hậu, tác động nặng nề của đại dịch Covid-19... là những thách thức rất lớn, ảnh hưởng đến sự phát triển của nước ta trong thời gian tới.

Đối với tỉnh Tuyên Quang, những kết quả đạt được của nhiệm kỳ qua, đặc biệt là kết quả trong công tác xây dựng Đảng, sự đổi mới, quyết liệt, sâu sát trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc; các tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng thuận lợi cho sự phát triển trong thời gian tới. Tuy nhiên, cùng với đó cũng còn nhiều khó khăn như: Hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực và khả năng ứng dụng tiến bộ của khoa học công nghệ còn hạn chế; tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; khí hậu, thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, đời sống nhân dân.

Trước những thời cơ, thách thức nêu trên, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải quyết tâm, nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu cao hơn nữa để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra.

A. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

I. PHƯƠNG HƯỚNG

Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên và sức mạnh đoàn kết các dân tộc trong tỉnh. Chủ động nắm bắt thời cơ, thuận lợi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển khai, toàn diện, bền vững.

Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực, công nghệ thông tin; khai thác tiềm năng, nguồn lực tập trung phát triển mạnh du lịch và các ngành dịch vụ; tiếp tục phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa, tập trung các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị gia tăng cao; chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế, hiệu quả cao nhằm thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động có kỹ năng, tay nghề cao; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất lao động và thu nhập. Chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng con người đáp ứng yêu cầu phát triển; thực hiện tốt các chính sách vùng đặc biệt khó khăn; chính sách dân tộc, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động tích cực hội nhập quốc tế.

Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy Đảng. Tiếp tục đổi mới sắp xếp, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy dân chủ và sức mạnh đoàn kết các dân tộc. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực⁵⁰. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp⁵¹. Phát triển kinh tế đồng bộ với phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất

⁵⁰ Giai đoạn 2020 - 2025, dự kiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 65.000 tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước trên 25.000 tỷ đồng (chiếm 38,5%); vốn ngoài nhà nước trên 37.100 tỷ đồng (chiếm 57%); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên 2.900 tỷ đồng (chiếm 4,5%)

⁵¹ Năm 2025, cơ cấu kinh tế: Các ngành dịch vụ 44,5%; công nghiệp - xây dựng 34,1%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 21,4%.

và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng, hộ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khai, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2025

1. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm (*tính theo giá so sánh năm 2010*) đạt trên 8%.
2. Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người (*tính theo giá hiện hành*) đạt 64 triệu đồng.
3. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 5 năm (*tính theo giá so sánh năm 2010*) đạt 8%.
4. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 5 năm (*tính theo giá so sánh năm 2010*) đạt 14%.
5. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 5 năm (*tính theo giá so sánh năm 2010*) đạt 4%.
6. Giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí của 47 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; đến năm 2025 có 68% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (*30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới*); có thêm ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
7. Thu hút 2,6 triệu lượt khách du lịch.
8. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 4.000 tỷ đồng.
9. Tỷ lệ đô thị hóa trên 27%.
10. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học từ mức độ 2 trở lên, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học: Mầm non 53%, tiểu học 70%, trung học cơ sở 70% và trung học phổ thông 35%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%, trong đó có bằng, chứng chỉ 30%.
11. Trên 90% hộ gia đình đạt gia đình văn hoá; trên 80% thôn, tổ dân phố đạt thôn, tổ dân phố văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá.
12. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 20%; 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã; có 10 bác sĩ và 35 giường bệnh/10.000 dân. Phần đấu 100% người dân có thẻ bảo hiểm y tế.
13. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2 - 2,5%/năm.
14. Duy trì ổn định tỷ lệ che phủ của rừng trên 65%; 99% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; 98% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn; 96% chất thải rắn thông thường được xử lý đạt tiêu chuẩn.

15. Hằng năm có 90% tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị; 85% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030, TÀM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Tổng sản phẩm GRDP (*theo giá hiện hành*) năm 2030 đạt khoảng 75.000 tỷ đồng; năm 2045 đạt khoảng 240.000 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ và công nghiệp - xây dựng⁵².

2. Đến năm 2030, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt trên 8.000 tỷ đồng, tăng bình quân trên 10%/năm. Dự kiến đến năm 2045, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt trên 45.000 tỷ đồng.

3. Hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới vào năm 2030 (đạt 100% số xã).

4. Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa trên 35%, xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Đến năm 2045, tỷ lệ đô thị hóa trên 50%.

V. CÁC KHẨU ĐỘT PHÁ VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các khâu đột phá

- Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, theo hướng hiện đại.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Thu hút đầu tư, huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên thực hiện các khâu đột phá.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh cải cách hành chính; ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập. Nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển công nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, điện tử, may mặc.

- Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao; đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thị trường.

⁵² Cơ cấu kinh tế:

- Năm 2030: Các ngành dịch vụ: 47%; công nghiệp - xây dựng: 35%; nông lâm nghiệp, thủy sản: 18%.

- Năm 2045: Các ngành dịch vụ: 53%; công nghiệp - xây dựng: 37%; nông lâm nghiệp, thủy sản: 10%.

- Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

B. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. TẬP TRUNG THỰC HIỆN CÁC KHẨU ĐỘT PHÁ, TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi liên kết, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp đa chức năng, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, có giá trị gia tăng cao; khai thác hiệu quả điều kiện tự nhiên riêng có để phát triển một số sản phẩm đặc sản có giá trị cao, được thị trường ưa chuộng. Phát triển cơ giới hóa trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị nông sản chủ lực phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất, đặc điểm, lợi thế so sánh của từng ngành hàng, từng địa phương và khả năng của người nông dân.

Xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phục tráng một số loại giống tốt của địa phương. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, quy mô sản xuất cho phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác. Phát triển ổn định vùng chuyên canh cây ăn quả, cây công nghiệp và một số cây trồng có lợi thế. Cơ cấu hợp lý diện tích cây mía gắn với cơ cấu lại ngành mía đường Tuyên Quang. Khuyến khích liên kết tích tụ đất đai, tạo quỹ đất phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Phát triển chăn nuôi hàng hóa tập trung theo chuỗi giá trị; xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường. Ứng dụng khoa học công nghệ cải tạo tầm vóc, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

Khai thác hiệu quả điều kiện tự nhiên mặt nước sông, hồ thủy điện để nuôi trồng thủy sản theo hình thức thâm canh, bán thâm canh, chú trọng các loài cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao; nghiên cứu, ứng dụng phương pháp sinh sản nhân tạo một số loài cá đặc sản và xây dựng thương hiệu thủy sản Tuyên Quang.

Quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 65%; phát huy các giá trị rừng đặc dụng, rừng phòng hộ gắn với phát triển kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả ngành lâm nghiệp, tăng tỷ trọng đầu tư phát triển hệ thống cơ sở, hạ tầng và dịch vụ trong lâm nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng⁵³, phát triển rừng gỗ lớn

⁵³ Đến năm 2025: Trồng rừng tập trung bình quân 9.500 ha/năm; năng suất gỗ rừng trồng bình quân trên 17 m³/ha/năm; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng bình quân đạt 1,1 triệu m³ gỗ/năm.

và mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ gỗ rừng trồng; nâng cao năng lực chế biến, xuất khẩu đồ gỗ. Liên kết chặt chẽ giữa nhà máy chế biến với người trồng rừng, đưa Tuyên Quang trở thành một trong những tỉnh điển hình về phát triển lâm nghiệp bền vững.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Chủ trọng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại, quảng bá nông sản. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa, nhất là sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị trong nước, xuất khẩu.

Ưu tiên đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng; công trình thủy lợi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu, công trình thủy lợi đa mục tiêu, phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, đồng thời giải quyết nguồn nước cho sinh hoạt, công nghiệp, thủy sản, dịch vụ, du lịch. Phấn đấu đến năm 2025, đảm bảo tưới chắc 85% diện tích lúa cả năm. Nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn. Làm tốt công tác di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, bố trí sắp xếp ổn định dân cư gắn với hỗ trợ về đời sống và sản xuất.

Tập trung lãnh đạo thực hiện toàn diện, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động, lòng ghép các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới. Nâng cao chất lượng các tiêu chí đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nhất là các tiêu chí về nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xây dựng huyện Hàm Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

2. Phát huy tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch để trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh

Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý, thực hiện quy hoạch phát triển du lịch, khai thác tiềm năng về du lịch lịch sử, cách mạng, văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Thu hút các dự án đầu tư phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch lịch sử, văn hóa thuộc Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình. Tập trung giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm; từng bước phát triển đồng bộ hạ tầng các khu, điểm du lịch quan trọng như Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Bình,... Xây dựng Khu du lịch Tân Trào cơ bản đáp ứng các tiêu chí của Khu du lịch Quốc gia.

Gắn kết chặt chẽ việc phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và bản sắc văn hóa các dân tộc. Triển khai

thực hiện có hiệu quả Đề án du lịch thông minh; phát huy các sản phẩm du lịch hiện có, tiếp tục xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, riêng có; xây dựng và khẳng định thương hiệu du lịch Tuyên Quang trên bản đồ du lịch Việt Nam. Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trọng điểm về du lịch, các doanh nghiệp lữ hành để xây dựng các chương trình kết nối tua, tuyến du lịch, góp phần nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của du lịch Tuyên Quang, gắn điểm đến Tuyên Quang vào chuỗi giá trị du lịch liên tỉnh, liên vùng.

Đổi mới cách thức, nội dung, nâng cao hiệu quả xúc tiến, quảng bá tiềm năng, thế mạnh phát triển du lịch của tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi, có cơ chế đặc thù thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư, khai thác hoạt động du lịch, dịch vụ tại tỉnh, nhất là các dự án có quy mô lớn, khách sạn, khu giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp, các loại hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng gắn liền với sản xuất nông nghiệp... Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp lữ hành; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh du lịch, hỗ trợ người dân trực tiếp tham gia kinh doanh du lịch. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và lao động ngành du lịch; chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch, nhất là du lịch cộng đồng.

Phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: du lịch, thương mại, viễn thông, vận tải, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, văn hóa thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo,... Quan tâm phát triển các ngành dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ logistic... Đẩy mạnh phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, nhất là hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích theo hướng hiện đại tại thành phố Tuyên Quang và trung tâm các huyện. Quan tâm phát triển thương mại điện tử đồng thời nâng cấp, phát triển chợ nông thôn tại những nơi có điều kiện.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, theo hướng hiện đại

Rà soát, tích hợp bổ sung quy hoạch Quốc gia, quy hoạch vùng, triển khai xây dựng, thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030. Tích cực huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và hạ tầng công nghệ thông tin; chú trọng phát triển các trục giao thông kết nối, liên kết vùng, trục phát triển đô thị. Xây dựng hệ thống thông tin điều hành thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số...

Xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai và các công trình giao thông trọng điểm. Tập trung xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường Hồ Chí Minh, các tuyến đường tỉnh, đường huyện, các tuyến vận tải thủy và các công trình khác theo quy hoạch; xây dựng một số cầu lớn⁵⁴; tiếp tục triển khai

⁵⁴ Cầu Xuân Vân qua sông Gâm, huyện Yên Sơn; cầu bắc qua sông Lô, thành phố Tuyên Quang; cầu Bạch Xa, huyện Hàm Yên... Cải tạo, sửa chữa cầu Nông Tiên (thành phố Tuyên Quang).

chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn và đầu tư xây dựng hệ thống cầu trên đường giao thông nông thôn với quy mô phù hợp. Tăng cường công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống công trình giao thông đảm bảo thông suốt.

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình, dự án về phát triển hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng giao thông, các công trình hạ tầng có quy mô lớn. Ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ mới vào điều hành, quản lý và khai thác các công trình kết cấu hạ tầng.

Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, phát triển đô thị có tầm nhìn dài hạn và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Hoàn thành xây dựng hệ thống hạ tầng khung của các đô thị trung tâm; tăng tính kết nối giữa các đô thị trong tỉnh và khu vực, gắn kết phát triển đô thị và phát triển nông thôn. Khuyến khích xây dựng khu đô thị mới, gia tăng diện tích đất cây xanh, đất công cộng. Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý đô thị.

Huy động nguồn lực xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang đạt tiêu chí đô thị loại II và định hướng đô thị loại I, đô thị xanh, đô thị thông minh trong giai đoạn tiếp theo; mở rộng Quang trường Nguyễn Tất Thành (thành phố Tuyên Quang). Đẩy mạnh phát triển hệ thống các đô thị theo lộ trình, tập trung một số đô thị động lực tại các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Na Hang, Hàm Yên... gắn với quy hoạch, phát triển các cụm dân cư, phát triển các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã.

Mở rộng, nâng cấp hệ thống điện đảm bảo cung ứng nguồn điện ổn định, chất lượng, an toàn; phấn đấu 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; từng bước hiện đại và ngầm hóa lưới điện đô thị.

Tăng cường quản lý chất lượng dịch vụ, phục vụ và việc cung ứng các sản phẩm viễn thông trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đạt mức bình quân chung của cả nước; 100% các xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối internet băng thông rộng.

4. Tiếp tục thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tập trung vào một số ngành có tiềm năng, lợi thế

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp dệt may, da giày, điện tử.... Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng, đất đai, thủ tục hành chính, nguồn nguyên liệu, lao động để thu hút ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, các dự án công nghiệp quy mô có công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, đóng góp nhiều cho ngân sách. Huy động các nguồn lực xây dựng mới các khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistics...

Kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh và triển khai dự án của doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm như Dự án mở rộng Nhà máy giấy An Hòa, dự án mở rộng Nhà máy thép Tuyên Quang...

Hoàn thành xây dựng các nhà máy thủy điện theo quy hoạch, phát huy công suất các nhà máy thủy điện hiện có.

Khuyến khích đầu tư mở rộng và phát triển mới các dự án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thủy sản gắn với phát triển vùng nguyên liệu; đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giữa các nhà máy chế biến gỗ, giấy với các công ty lâm nghiệp, các tổ hợp tác và người trồng rừng đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà máy và người sản xuất. Đổi mới công nghệ chế biến và nâng cao hiệu quả các nhà máy chế biến hiện có; phát triển mạnh các sản phẩm chè đặc sản, xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng. Duy trì và nâng cao hiệu quả các nhà máy chế biến khoáng sản; thu hút dự án công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và hạn chế tác động đến môi trường. Tăng cường các hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế

Tập trung xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao thứ bậc xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)... Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và khu vực nông thôn; tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch.

Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tài chính, tín dụng

Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài sản và các nguồn lực của Nhà nước; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên cho các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm, các chương trình trọng điểm, các chương trình, dự án thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Đẩy mạnh thu ngân sách gắn với huy động kịp thời nguồn thu hiện có và khai thác nguồn thu tiềm năng. Giai đoạn 2021 - 2030 thu ngân sách tăng bình quân trên 10%/năm, hướng đến mục tiêu năm 2030 cơ bản đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý tài chính, ngân sách; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, dành nguồn lực đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách địa phương chặt chẽ, tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với các nguồn lực xã hội thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, kiểm soát lạm phát.

Đẩy mạnh công tác huy động vốn, nhất là nguồn vốn huy động tại địa phương; tăng trưởng tín dụng theo cơ cấu hợp lý đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, đảm bảo tín dụng an toàn, hiệu quả. Phân đều nguồn vốn huy động tại địa phương tăng trưởng bình quân trên 15%/năm; dư nợ cho vay theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; kiểm soát tốt các khoản nợ xấu theo quy định. Tiếp tục thực hiện các biện pháp mở rộng tín dụng phù hợp, có hiệu quả; cải tiến thủ tục vay vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, tập trung vốn tín dụng vào các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, các lĩnh vực sản xuất, trong đó ưu tiên đối với nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, các chương trình khởi nghiệp...

7. Quản lý sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, nước, khoáng sản theo nguyên tắc thị trường, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường đảm bảo công khai, minh bạch. Quan tâm, bố trí nguồn lực cho công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính; xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, nhất là đối với diện tích giao cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, giao thực hiện các dự án, chuyển mục đích sử dụng đất; lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch kỳ đầu 2021 - 2025 cấp huyện.

Bảo vệ an ninh nguồn nước, tăng cường quản lý và khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước theo lưu vực sông, ngăn chặn sự suy giảm tài nguyên nước; tích nước, điều tiết nguồn nước hợp lý.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát các nguồn

gây ô nhiễm môi trường; cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường các cơ sở sản xuất, khu vực nông thôn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Thực hiện tốt phong trào "Tuyên Quang chung tay xử lý rác thải, chống rác thải nhựa". Có giải pháp xử lý và tái chế chất thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và rác thải y tế thông thường với công nghệ tiên tiến, hiện đại; xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại thành phố Tuyên Quang. Chủ động xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Làm tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của lũ lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

8. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Bố trí, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ, hợp lý về cơ cấu, có đạo đức nghề nghiệp. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ đi nhà trẻ, mẫu giáo, trẻ học mầm non ngoài công lập và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất học sinh. Kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội; chú trọng giáo dục đạo đức, kỷ luật, ý thức trách nhiệm công dân và xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, năng lực tư duy sáng tạo, trình độ ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin cho học sinh để từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới theo quy định. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; tăng cường kỷ cương, nền nếp trong các cơ sở giáo dục. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong dạy, học và quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học ngoại ngữ ở các cấp học. Đẩy mạnh phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông, thực hiện hiệu quả Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.

Phát triển hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo, tập trung các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm trang thiết bị cho trường, lớp học, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển Trường Đại học Tân Trào giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030, từng bước xây dựng Trường Đại học Tân Trào thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của tỉnh và khu vực. Tiếp tục xây dựng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang thành trường trọng điểm trong đào tạo công nhân kỹ thuật,

góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động. Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học trong đào tạo, gắn với tạo việc làm cho sinh viên. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trên các lĩnh vực, chú trọng ứng dụng công nghệ cao trong tạo giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, phát triển sản xuất kinh doanh, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động quản lý. Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về làm việc tại tỉnh đối với những lĩnh vực tỉnh có nhu cầu.

9. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

Tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Tuyên Quang có trí tuệ, có tinh thần vì cộng đồng, có khát vọng vươn lên, trong sáng, lành mạnh; khơi dậy trong nhân dân tinh thần yêu nước, tính cộng đồng, ý chí tự cường, phát huy truyền thống quê hương cách mạng; ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện đáp ứng yêu cầu phát triển; từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

Chú trọng công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng, di sản văn hóa các dân tộc; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư tu bổ, tôn tạo gắn với phát triển du lịch. Hoàn thành xây dựng các công trình phát huy giá trị Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào và Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Bình theo Quy hoạch được phê duyệt.

Quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao thế mạnh của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao trong trường học. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao. Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng khu Liên hợp thể thao của tỉnh; xây dựng nhà thi đấu thể thao đa năng, sân vận động đạt chuẩn tại các huyện, thành phố.

Tiếp tục phát triển, đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn học nghệ thuật; nâng cao chất lượng sáng tác và chất lượng nghệ thuật biểu diễn. Khuyến khích sáng tác, phổ biến các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị về đất và người Tuyên Quang.

Nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí, phát triển hệ thống báo chí, thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp xu thế phát triển. Xây dựng Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thành cơ quan báo chí hiện đại, truyền thông đa phương tiện.

10. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu và công tác y tế dự phòng, chủ động phòng bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế - dân số; nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; giáo dục y đức trở thành phẩm chất của mỗi cán bộ y tế.

Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách xã hội. Quan tâm công tác vệ sinh môi trường, nước sạch sinh hoạt; xử lý chất thải công nghiệp, chất thải y tế; bảo đảm an toàn thực phẩm, thực hiện chế độ kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, định kỳ về an toàn thực phẩm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo phát triển bền vững bảo hiểm y tế toàn dân; quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn quỹ bảo hiểm y tế; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách về y tế cho nhân dân. Gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại, xây dựng, phát triển Đề án nguồn dược liệu quý gắn với mô hình kinh tế tại địa phương.

Thực hiện quản lý sức khỏe toàn dân bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế đạt trên 80%.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế; huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống y tế. Đổi mới và tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ đối với các cơ sở khám chữa bệnh công lập.

11. Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội

Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Đa dạng các hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin thị trường lao động; quan tâm tạo việc làm mới cho người lao động đi làm việc ở trong nước và nước ngoài.

Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững gắn với thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn và chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách người có công, đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, phấn đấu 100% gia đình người có công với cách mạng có

mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, khuyến khích và nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh xã hội của người dân; tăng cường tuyên truyền, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi.

Làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, bình đẳng giới; ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực gia đình, bạo hành, xâm hại trẻ em, phòng ngừa tai nạn thương tích trẻ em. Đẩy mạnh các giải pháp phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy.

II. BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH; THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC TƯ PHÁP, THANH TRA; NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

1. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với lực lượng Quân đội, Công an và công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xác định giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó lực lượng Quân đội, Công an là nòng cốt. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác đối ngoại. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận lòng dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc. Chủ động ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc địa phương trong mọi tình huống.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh, tạo sự chuyển biến hơn nữa về nhận thức và trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp, nâng cao chất lượng các cuộc luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống cháy rừng đảm bảo hiệu quả, sát thực tế địa phương. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sức chiến đấu cao, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ.

Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, ứng phó có hiệu quả với các mối đe dọa, thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời các nguy cơ và yếu tố phức tạp này sinh về an ninh nông thôn, an ninh xã hội, an ninh trong vùng dân tộc, tôn giáo; bảo vệ vững chắc an ninh kinh tế, an ninh chính trị tư tưởng, an ninh văn hóa; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tự do, dân

chủ, tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhằm kích động, gây chia rẽ khói đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất an ninh, trật tự.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia vào công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật; tăng cường tiềm lực cho lực lượng trị an ở cơ sở gắn với phát huy vai trò của lực lượng Công an xã. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên các lĩnh vực; thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; an toàn về phòng cháy, chữa cháy; tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Thực hiện tốt công tác tư pháp, thanh tra

Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách tư pháp, trọng tâm là củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, đảm bảo các vụ án được xét xử nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật. Chú trọng làm tốt công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ tư pháp.

Đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành pháp luật. Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp. Tập trung thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của công dân, nhất là những trường hợp phức tạp, tồn đọng, kéo dài; hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, khiếu kiện đông người.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết và chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chủ động, tích cực triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế nhằm đẩy mạnh hợp tác đầu tư, huy động các nguồn lực nước ngoài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài đã thiết lập quan hệ; tích cực xây dựng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài có tiềm năng, phù hợp với khả năng, điều kiện và định hướng phát triển của tỉnh. Tăng cường công tác văn hóa - thông tin đối ngoại, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến bạn bè quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại trong tình hình mới.

III. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền

Phát huy vai trò cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương; thực hiện tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng, tăng cường hoạt động giám sát, nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri. Lãnh đạo các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành khoa học, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quản lý địa bàn, lĩnh vực. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Trung ương đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, giảm hội họp, nâng cao chất lượng các cuộc họp, dành thời gian tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan hành chính đối với công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm vi phạm theo quy định.

2. Phát huy dân chủ và sức mạnh đoàn kết các dân tộc; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Thực hiện tốt công tác tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, chú trọng lĩnh vực bảo vệ môi trường, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Nâng cao vai trò, chất lượng giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Phát huy vai trò đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức, bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, các mô hình tự quản ở khu dân cư. Động viên người có uy tín, các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ tham gia đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh.

IV. XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

1. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên

Nâng cao chất lượng công tác quán triệt các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhận thức đầy đủ, đúng đắn, sâu sắc, toàn diện và hành động tích cực trong xây dựng Đảng; kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp quyết liệt, đồng bộ, tạo chuyển biến tích cực để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm, kế hoạch thực hiện việc đột phá, đổi mới của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình hằng năm; chú trọng kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm, kế hoạch thực hiện việc đột phá. Tăng cường thực hiện giao việc đột phá, đổi mới cho người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đoàn thể các cấp.

Tiếp tục nâng cao vai trò, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt các quy định nêu gương trong rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong, lề lối làm việc. Thực hiện nghiêm túc các nội dung về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; đảng viên cam kết không suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý nghiêm các cá nhân vi phạm, kịp thời biểu dương, nhân rộng những điển hình tiên tiến, những tấm gương “người tốt, việc tốt”.

2. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận

Tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng; quán triệt, học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ, đồng thuận trong xã hội.

Chú trọng đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa học tập lý luận với rèn luyện trong thực tiễn công tác.

Chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tích cực thực hiện các giải pháp để đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, chống “diễn biến hòa bình”, nhất là thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội trong tình hình mới. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan truyền thông và văn học nghệ thuật trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

3. Chú trọng xây dựng Đảng về tổ chức

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; kiện toàn tổ chức đảng phù hợp với lộ trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nội dung duy trì thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ.

Chú trọng phát triển đảng viên, nhất là phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và tại các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có trách nhiệm cao trong công việc, gắn bó mật thiết với nhân dân; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ công tác quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên, kiên quyết, kịp thời đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Quyết tâm, quyết liệt và có những giải pháp, lộ trình phù hợp để tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện quản lý đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và các nhóm giải pháp theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Thực hiện tốt chính sách thu hút, có cơ chế thiết thực để trọng dụng nhân tài, thực hiện tốt quy định của Đảng về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung, công hiến cho sự phát triển của tỉnh... Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác xây dựng đảng; nâng cao bản

lĩnh chính trị, năng lực cụ thể hóa, lãnh đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng cho đội ngũ cấp ủy viên, nhất là bí thư cấp ủy. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu phải quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp. Công tác kiểm tra, giám sát phải chủ động, tiến hành thường xuyên, toàn diện, khách quan, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ; coi trọng phòng ngừa, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn; kịp thời phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh, khắc phục và xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra dấu hiệu vi phạm, giám sát theo chuyên đề; coi trọng công tác tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của cấp ủy, tổ chức đảng; đề cao trách nhiệm, tự soi, tự sửa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức đảng và đảng viên. Các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của nhiệm kỳ và hằng năm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị; tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm; về trách nhiệm nêu gương, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, thực thi nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cấp ủy viên các cấp, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng; các vấn đề nổi cộm, bức xúc, vụ việc phức tạp mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm, những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm. Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng và đảng viên.

Phát huy vai trò nòng cốt của ủy ban kiểm tra các cấp, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan; kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên với tự kiểm tra của cấp dưới; giữa công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng với thanh tra của các cơ quan Nhà nước, giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lắp. Thường xuyên quan tâm kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra có bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tiễn, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát.

5. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định của tỉnh về quản lý kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan có chức năng đấu tranh, phòng, chống tham nhũng. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tự kiểm tra trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị, đặc biệt là đối với những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và sự giám sát của nhân dân trong đấu tranh, phát hiện, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

6. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận

Tăng cường đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, trọng tâm là đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, nắm tình hình nhân dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận chính quyền trong các cơ quan Nhà nước; Quy chế dân chủ ở cơ sở; phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận có kỹ năng, phương pháp sâu sát quần chúng, am hiểu nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền tăng cường đối thoại, tiếp xúc, kịp thời giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, bám sát nhiệm vụ chính trị lựa chọn những công việc, phong trào trọng tâm, thiết thực, tập trung tuyên truyền vận động, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách liên quan đến đoàn viên, hội viên và nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát huy hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội trong công tác dân vận theo hướng sáng tạo, hiệu quả.

7. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao vai trò và hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối, toàn diện, thông suốt, kịp thời, đúng đắn của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Trọng tâm là nâng cao vai trò và hiệu quả lãnh đạo; chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, chất lượng, hiệu quả lãnh đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng; đổi mới tư duy sâu sát, tầm nhìn chiến lược; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc khoa học, dân chủ, công khai minh bạch, đẩy mạnh phân cấp phân quyền gắn với tăng cường kiểm soát quyền lực, vì

dân, sát thực tiễn, sâu sát cơ sở, nói đi đôi với làm. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của các cấp ủy, bảo đảm thực hiện nghiêm ngặt đoàn kết thống nhất, tự phê bình và phê bình, tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu. Nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị. Coi trọng kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và tổng kết thực tiễn để đổi mới phương thức lãnh đạo đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi và phù hợp với sự phát triển của thực tiễn; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đại hội khẳng định những thành quả, kinh nghiệm quan trọng cần phát huy, chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong nhiệm kỳ 2015 - 2020; đánh giá thời cơ, yêu cầu phát triển cũng như những khó khăn, thách thức trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Những khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu chủ yếu mà Đại hội đề ra thể hiện ý chí, quyết tâm chính trị cao và khát vọng phát triển của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang trong thời kỳ mới.

Tự hào với truyền thống quê hương cách mạng, Thủ đô khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến; tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, với tinh thần **Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển**, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang quyết tâm vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành các mục tiêu Đại hội đã đề ra, đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khai, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nơi nhận:

- Đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Châu Văn Lâm